

Số: 45 /GPMT-UBND

Vĩnh Long, ngày 11 tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trung tâm thương mại Vĩnh Long”;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 167/CV-VLong ngày 21/12/2023 của Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5479/TTr-STNMT ngày 22 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long, địa chỉ tại: Số 26, Đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trung tâm thương mại Vĩnh Long, địa điểm dự án: số 26, Đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại Vĩnh Long.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 26, Đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500412758 đăng ký lần đầu ngày 19/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/02/2023.

1.4. Mã số thuế: 1500412758.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại (siêu thị).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Cơ sở được xây dựng trên phần đất có diện tích 11.712,3 m² với quy mô 01 trệt, 02 lầu và cao 18,05 m.

- Tổng vốn đầu tư: 41.858.000.000 đồng (*Bốn mươi một tỷ tám trăm năm mươi tám triệu đồng*).

- Quy mô hoạt động của dự án: Quá trình hoạt động của cơ sở chủ yếu là buôn bán, kinh doanh các sản phẩm gia dụng, thức ăn, thức uống và nhiều mặt hàng khác nhau và được chia làm khu tự kinh doanh và khu cho thuê:

+ Khu vực tự kinh doanh: Thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, hóa mỹ phẩm, đồ dùng, may mặc;

+ Khu vực cho thuê: Thời trang – may mặc; trang sức, đá quý, phụ kiện; mỹ phẩm chăm sóc sắc đẹp; dịch vụ ăn uống; khu vui chơi giải trí; nhà sách; ghế massage; tinh dầu; bãi giữ xe; dịch vụ thuê xe;...

+ Ngoài ra, hiện tại cơ sở đang cho Hộ kinh doanh rửa xe 168 thuê lại mặt bằng với diện tích 30 m² theo Hợp đồng số 01/2023/HĐTMB/VL/ĐV ngày 01/08/2023 để kinh doanh dịch vụ rửa xe.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải vào cống công cộng trên đường Nguyễn Thị Út qua một điểm đầu nổi và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày .M.. tháng 01 năm 2024 đến ngày .M... tháng 01 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Vĩnh Long;
- Công TTĐT của UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 4.16.05.



Nguyễn Văn Liệt

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (sinh hoạt của công nhân viên, sinh hoạt của khách mua sắm, quán cà phê và quán sinh tố, nước ép).
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu chế biến thực phẩm (Jollibee và các gian hàng ăn uống khác).
- Nguồn số 03: Nước thải từ Dịch vụ rửa xe 168 (Đã qua hệ thống xử lý nước thải).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận và vị trí xả nước thải: Công cộng cộng trên đường Nguyễn Thị Út, Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1134165, Y=0551294 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Bơm vào mương thu nước BTCT B400 trước khi chảy vào cống thoát nước công cộng trên đường Nguyễn Thị Út.

2.2.2. Chế độ xả nước thải: 24/24 giờ.

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5 – 9	-
2	BOD ₅	mg/l	50	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	-
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	-
5	Sunfua	mg/l	4	-
6	Phosphat	mg/l	10	-
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	-
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	-	10
9	Amoni	mg/l	10	-

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
10	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh:

Hiện tại cơ sở đã bố trí bốn bể tự hoại với tổng thể tích là 67 m^3 , hai bể tự hoại loại 1 (kích thước $2.900 \text{ mm} \times 1.900 \text{ mm} \times 1.500 \text{ mm}$) và hai bể tự hoại loại 2 (kích thước $2.200 \text{ mm} \times 1.200 \text{ mm} \times 1.500 \text{ mm}$). Nước thải từ các phân khu vệ sinh ở các tầng sẽ được thu gom theo các tuyến ống đứng gồm DN40, DN50, DN100 vào 4 bể tự hoại nhằm loại bỏ bớt lượng cặn, chất hữu cơ,..... Sau đó sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Nước thải từ khu chế biến thực phẩm (khu vực nấu chín, khu chế biến và quẩy cá) và quầy thức ăn nhanh:

Nước thải từ các khu vực chế biến thực phẩm (nấu chín, chế biến và quẩy cá) và quầy thức ăn nhanh sẽ được thu gom bằng tuyến ống PVC D42 và D60 về 04 bể tách dầu mỡ có kích thước giống nhau là $70 \text{ cm} \times 50 \text{ cm} \times 33 \text{ cm}$ để xử lý sơ bộ trước khi được thu gom về hệ thống thu gom nước thải chung của cơ sở bằng 02 tuyến ống D42 (dài 2 m) và D60 (dài 6m).

Nước thải từ các bể tự hoại và bể tách dầu mỡ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở bằng tuyến ống uPVC D200 dài 66 m và D250 dài 115 m.

- Nước thải từ dịch vụ rửa xe 168:

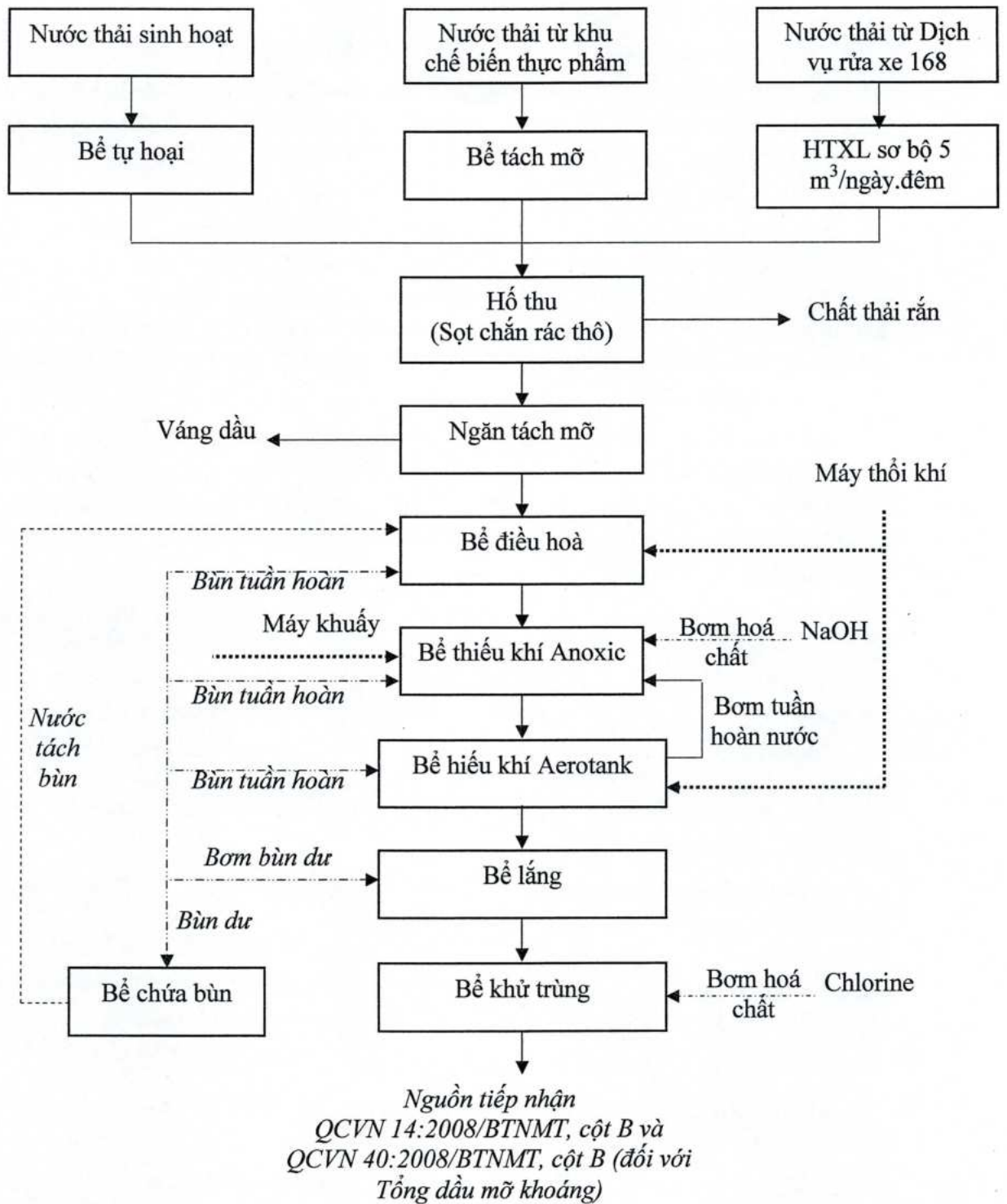
Nước thải phát sinh từ dịch vụ rửa xe sẽ được dẫn theo rãnh thoát bằng mương thu nước thải BTCT B400 rộng 0,8 m, độ dốc 0,5% về hệ thống xử lý nước thải công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối vào hố thu hệ thống xử lý nước thải công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở bằng tuyến ống PVC DN49.

- Nước thải sinh hoạt từ quán cà phê:

Nước thải phát sinh từ quán cà phê sẽ được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 3 m^3 trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở bằng tuyến ống PVC DN49.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

* Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có quy trình công nghệ cụ thể như sau:



Chú thích:

- > Đường dẫn nước thải
- - - - -> Đường bùn
- . - . -> Đường hóa chất
-> Đường khí

Thuyết minh quy trình xử lý:

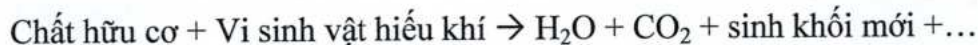
- **Hồ thu:** Nước thải phát sinh (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải từ khu chế biến thực phẩm sau bể tách mỡ) theo cống dẫn vào hồ thu có đặt song chắn rác nhằm giữ lại các chất thải có trong nước thải, tránh các sự cố về máy bơm (nghẹt bơm, gãy cánh bơm,...) đồng thời làm giảm 5% lượng SS và 5% lượng BOD. Các chất thải rắn bị giữ lại tại song chắn rác được thu gom định kỳ.

Ngăn tách mỡ: Từ hồ thu, nước thải sẽ được bơm vào ngăn tách mỡ. Tại đây, các giọt dầu mỡ nổi lên trên mặt nước, phần nước trong sẽ tự chảy vào bể điều hòa. Định kỳ hằng ngày, bảo trì sẽ kiểm tra lượng mỡ của hệ thống xử lý nước thải, tùy theo mức độ phát sinh để thực hiện việc vớt dầu mỡ nổi tại ngăn tách mỡ. Lượng dầu mỡ vớt ra sẽ được chứa đựng thùng phuy riêng và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

Bể điều hòa: Điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau, đồng thời phân hủy một phần các chất ô nhiễm có trong nước thải (10% BOD). Hệ thống phân phối khí đặt trong bể điều hòa nhằm cung cấp oxy và xáo trộn đều nước thải trước khi vào các công trình phía sau.

Bể thiếu khí Anoxic: Tại bể điều hòa, nước thải được bơm chìm bơm vào công trình xử lý sinh học đầu tiên là bể thiếu khí Anoxic. Hóa chất NaOH được châm vào để điều chỉnh pH tối ưu. Trong điều kiện thiếu khí (anoxic), vi khuẩn tác động đến các acid béo bay hơi sẵn có trong nước thải để giải phóng phospho, nitơ. Tiếp theo, nước thải sẽ được dẫn qua công trình xử lý sinh học tiếp theo là bể hiếu khí Aerotank. Tại bể thiếu khí Anoxic có bố trí máy khuấy nhằm xáo trộn để tăng khả năng tiếp xúc của nước thải, bùn sinh học và hóa chất NaOH, sau đó nước thải tiếp tục được chảy sang bể hiếu khí Aerotank.

Bể hiếu khí Aerotank: Tại đây, các chất hữu cơ trong nước thải sẽ được xử lý triệt để. Máy thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật hiếu khí tồn tại ở trạng thái lơ lửng (bùn hoạt tính) sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ đơn giản như CO_2 và nước... theo phản ứng xong:



Đồng thời, nước thải sẽ được bơm tuần hoàn về bể Anoxic để hoàn thiện quá trình khử nitơ và phospho.

Bể lắng: Nước thải sau khi ra khỏi bể hiếu khí Aerotank sẽ chảy tràn qua bể lắng. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần bùn lắng này chủ yếu là vi sinh vật từ bể hiếu khí và được bơm tuần hoàn về bể điều hòa, bể thiếu khí Anoxic và bể hiếu khí Aerotank nhằm duy trì nồng độ vi sinh vật. Phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn nhằm làm giảm độ ẩm của bùn thải. Phần bùn dư sẽ được hút định kỳ, phần nước tách bùn sẽ được dẫn về bể điều hòa để được tiếp tục xử lý.

Bể khử trùng: Phần nước trong sau khi qua bể lắng sẽ chảy qua bể khử trùng, hóa chất khử trùng (Chlorine) được bơm đồng thời vào bể để xử lý triệt để các vi sinh vật gây bệnh như *E.Coli*, *Coliform*,... Nước thải sau khi qua bể khử trùng đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt,

cột B, được bơm chảy về điểm tiếp nhận(hệ thống cống công cộng trên đường Nguyễn Thị Út).

Bể chứa bùn: Bùn từ bể lắng được bơm vào bể chứa bùn, khi bể chứa bùn đầy thì Chủ cơ sở thuê đơn vị thu gom để vận chuyển và xử lý đúng quy định.

* Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải:

STT	Tên thiết bị	Số lượng/ Đơn vị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
1	Máy thổi khí	02 bộ	- Điện áp: 3,75Kw, 1450rpm	Anlet -Nhật
2	Motor giảm tốc	01 cái	- Lưu lượng: 7,2-14,4m ³ /h; - Điện áp: 400V/3pha/50Hz; - Điện áp: 0,37Kw/3pha, 2900rpm.	ZENIT-ITALYA
3	Bơm bùn tải bể lắng	02 cái	- Lưu lượng: 7,2-14,4m ³ /h; - Điện áp: 400V/3pha /50Hz; - Điện áp: 0,37Kw, 2900rpm.	ZENIT-ITALYA
4	Bơm nước thải tại các bể gom	06 cái	- Lưu lượng: 7,2 – 14,4m ³ /h; - Điện áp: 400V/3pha/50Hz; - Điện áp: 0,37Kw, 2900rpm.	ZENIT-ITALYA
5	Bơm nước thải tại bể điều hòa	02 cái	- Lưu lượng: 7,2 – 14,4m ³ /h; - Điện áp: 400V/3pha /50Hz; - Điện áp: 0,37Kw, 2900rpm.	ZENIT-ITALYA
6	Bơm chìm nước thải tại bể Aerotank	02 cái	Lưu lượng: 12m ³ /h; - Điện áp: 380V/3pha /50Hz; - Điện áp: 0,75Kw, 2900rpm.	Shimaywa/Nhật Bản
7	Bơm định lượng hóa chất	02 bộ	- Lưu lượng: 50 l/h; - Điện áp: 220V/1pha /50Hz; - Điện áp: 0,37Kw, 220V	Blue White - Mỹ
8	Bơm hấp thụ khí	01 bộ	- Điện áp: 1.5Kw, 1450rpm	Teco – Đài Loan
	Máy khuấy	01 cái	- Điện áp: 1,0Kw, 380V	Teco – Đài Loan

Điện năng sử dụng cho hệ thống xử lý khoảng 156 kWh/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có bố trí nhân viên trực và tuân thủ đúng quy trình vận hành. Có hướng dẫn phòng ngừa và ứng phó xảy ra sự cố;

- Hệ thống xử lý nước thải được xây cao hơn mặt sân nền không để nước mưa sân nền tràn vào làm tăng lưu lượng nước thải và có nắp thăm;

- Công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải được nhân viên vận hành thực hiện hàng ngày, kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ máy móc thiết bị và các bồn

bể, ghi nhận các dấu hiệu bất thường và các sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục theo đúng quy trình xử lý.

- Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí...): trang bị máy dự phòng để đảm bảo hệ thống vẫn vận hành bình thường trong thời gian đợi thiết bị hỏng hóc sửa chữa.

- Đối với lỗi sự cố do quá trình vận hành:

+ Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và nhân viên vận hành rà soát lại toàn bộ các thông số để điều chỉnh theo đúng thiết kế.

+ Nếu sự cố vượt quá khả năng, cơ sở mời chuyên gia về xử lý nước thải về kiểm tra điều chỉnh.

Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long).*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn 01: tiếng ồn từ các phương tiện ra vào cơ sở (khu vực bãi xe của cơ sở).
- Nguồn 02: tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn 01: tiếng ồn từ các phương tiện ra vào cơ sở. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° : X=1134171; Y= 551338 (khu vực bãi xe của cơ sở).
- Nguồn 02: tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng. Hệ tọa độ VN200, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° : X= 1134121; Y= 551325.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Tiếng ồn chủ yếu phát sinh do va chạm và ma sát của các dụng cụ xe đẩy, tiếng ồn do những khách hàng trong cơ sở gây nên, để giảm thiểu những nguyên nhân phát sinh tiếng ồn này, cơ sở bố trí những bảng chỉ dẫn đến từng khu vực, lối đi giữa các quầy bán hàng rộng tránh các xe đẩy va chạm với nhau.
- Xây tường cách âm cho khu vực đặt máy phát điện, nhằm giảm tiếng ồn.
- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng cho các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 45 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	Trung tâm thương mại Vĩnh Long		63
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	29
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	9
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	7
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	14
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	1
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	3
II	Dịch vụ rửa xe 168		474,5
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	292
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giặt lai, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	182,5
TỔNG			537,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở chủ yếu là bùn thải, váng dầu tại ngăn tách mỡ của hệ thống xử lý nước thải, phế liệu (thùng carton và giấy vụn) và dầu ăn đã qua sử dụng:

- Khối lượng bùn khoảng 4 m³/năm hay 4,02 tấn/năm.
- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng như giấy thùng và giấy vụn khoảng 300 kg/ngày (9 tấn/năm hay 108 tấn/năm).
- Đối với dầu ăn đã qua sử dụng phát sinh trong quá trình chế biến thực phẩm khoảng 280 kg/năm.

- Đối với váng dầu tại ngăn tách mỡ của hệ thống xử lý nước thải khoảng 234 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 420 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

STT	Dụng cụ lưu chứa	Số lượng	Kích thước	Chất liệu
I	Trung tâm thương mại Vĩnh Long			
1	Hộp chứa mực in thải	1	40 lít	Thùng nhựa PP có nắp đậy
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	1	160 lít	
3	Pin, ắc quy chì thải	1	40 lít	
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	1	40 lít	
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	1	30 lít	
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	1	30 lít	
II	Dịch vụ rửa xe 168			
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	8	50 lít	
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	1	30 lít	

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích: 6,4 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Được xây dựng theo kết cấu tường bao xung quanh. Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại đảm bảo thoáng khí, sàn bằng phẳng, không đọng nước và dán biển báo, dán nhãn CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom vào cuối ngày và lưu chứa trong khu vực chứa chất thải công nghiệp.

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: diện tích 8,1 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Cơ sở đã bố trí 20 thùng chứa có thể tích 20 lít khu vực bên trong và 04 thùng với thể tích 240 lít có nắp đậy kín tại khu vực tập kết rác.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

Khu vực tập kết rác có diện tích 2 m × 3,5 m nằm tách biệt khu vực kinh doanh.

2.4. Giám sát tổng lượng chất thải rắn

- *Chất thải rắn thông thường:* Theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- *Chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH, cập nhật thành phần, chủng loại, khối lượng CTNH vào báo cáo định kỳ và quản lý CTNH theo quy định hiện hành (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHÁC

*** Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

- Trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy bao gồm bình chữa cháy, hệ thống báo cháy và báo động.

- Bố trí các dụng cụ chữa cháy ở nơi thuận tiện cho thao tác, không bị che chắn. Bố trí các bảng hiệu ở nơi dễ thấy, nhiều người đọc.

- Thực hiện phương án cũng như thiết bị PCCC trình công an tỉnh Vĩnh Long và đã được chấp thuận cấp giấy chứng nhận số 17/2004.CN.PC23 ngày 13 tháng 04 năm 2004.

